

Bản án số: 128/2018/HNGĐ-ST

Ngày 18/6/2018

V/v tranh chấp Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Liêu Chí Khanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Thanh Văn.

Ông Châu Hải Dương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Diễm My là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi, tỉnh Cà Mau.

Ngày 18 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 198/2018/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 5 năm 2018 về việc tranh chấp Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 179/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Huỳnh Cẩm T, sinh năm 1984; địa chỉ: Ấp H, xã Ng, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (Có mặt).

Bị đơn: Anh Quách Văn M, sinh năm 1975; địa chỉ: Ấp H, xã Ng, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Chị Huỳnh Cẩm T trình bày: Chị với anh Quách Văn M chung sống với nhau năm 2003, cho đến nay vẫn không đăng ký kết hôn. Vợ chồng có thời gian dài chung sống hạnh phúc và sinh được hai con tên Quách Tiểu B, sinh ngày 29/10/2004 và Quách Như B, sinh ngày 29/7/2006. Trong quá trình chung sống do anh M hay ghen tuông và đánh chị nên đã sống ly thân hơn 03 năm nay. Hiện tại anh chị tự tạo cuộc sống riêng và chị không còn thương anh M nên xin được ly hôn, xin nuôi hai con, yêu

cầu anh M cấp dưỡng theo qui định. Anh chị không có tài sản chung, không thiếu nợ ai và không ai nợ lại vợ chồng.

- Anh Quách Văn M trình bày: Anh không đồng ý ly hôn với chị T. Trường hợp Tòa án cho ly hôn, anh yêu cầu được nuôi hai con, không yêu cầu chị T cấp dưỡng. Còn lý do mâu thuẫn vợ chồng là do anh chị làm thuê ở hai nơi khác nhau, anh khuyên chị không nên đi chơi nhiều nhưng chị không nghe theo nên từ đó mới mâu thuẫn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về hôn nhân: Chị T và anh M chung sống với nhau như vợ chồng trong thời gian dài, mặc dù có đủ điều kiện kết hôn nhưng lại không đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng. Do vậy Tòa án không xem xét cho hoặc không cho chị T ly hôn với anh M mà tuyên bố không công nhận anh, chị là vợ chồng theo quy định tại Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Chị T và anh M đều có nguyện vọng được nuôi con. Thấy rằng: Tại phiên tòa anh, chị thừa nhận hiện tại anh chị đều làm công nhân, ở trọ, thu nhập ở mức đủ sống, điều kiện chăm sóc con gặp khó khăn, nên phải gửi các con cho ông, bà ngoại chăm sóc. Lẽ ra trong trường hợp này sẽ giao mỗi người một người con nuôi dưỡng là phù hợp. Tuy nhiên các anh, chị đều yêu cầu các con phải được ở chung với nhau, chứ không nên giao cho mỗi người nuôi một đứa. Trong khi tại phiên tòa các cháu Tiểu B và Như B đều mong muốn được sống với chị T. Theo nguyện vọng của anh chị và các con, Tòa án chấp nhận yêu cầu của chị T, giao hai con cho chị được tiếp tục nuôi dưỡng. Buộc anh M có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo mức phù hợp để cùng chị T nuôi dưỡng các con đảm bảo phát triển toàn diện về mọi mặt theo khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Về tài sản chung và nợ: Chị T và anh M xác định vợ chồng không có tài sản chung, không thiếu nợ ai và không ai nợ lại vợ chồng, nên Tòa án không xem xét giải quyết các mối quan hệ này của anh, chị.

Án phí hôn nhân gia đình chị Huỳnh Cẩm T phải chịu theo quy định.

Án phí cấp dưỡng nuôi con anh Quách Văn M phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 14, khoản 2 Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc

hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận chị Huỳnh Cẩm T và anh Quách Văn M là vợ chồng.

2. Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của chị Huỳnh Cẩm T. Giao hai con Quách Tiểu B, sinh ngày 29/10/2004 và Quách Như B, sinh ngày 29/7/2006 cho chị Huỳnh Cẩm T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Buộc anh Quách Văn M có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng 700.000đ cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Thời hạn cấp dưỡng tính từ ngày án có hiệu lực pháp luật.

Anh M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của chị T cho đến khi thi hành xong các khoản cấp dưỡng, hàng tháng anh M phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án

3. Về án phí:

- Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Huỳnh Cẩm T phải chịu là 300.000đ. Chị T đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm tại biên lai thu tiền số 0009800 ngày 03/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi, chị T đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

- Án phí cấp dưỡng nuôi con: Anh Quách Văn M phải chịu là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. *Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Ủy ban nhân dân xã T;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

Liêu Chí Khanh

